

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU CHỮ NÔM TRONG KHO THƯ TỊCH Y DƯỢC TRUYỀN THỐNG

Lâm Giang
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm đang lưu trữ trên 400 đầu sách chữ Hán, chữ Nôm với trên 600 ký hiệu về y dược truyền thống. Số sách này được sưu tầm về từ các nguồn khác nhau, trong đó, một số ít được sưu tầm hồi trước Cách mạng Tháng Tám. Số còn lại, tuyệt đại đa số được sưu tầm từ năm 1954 trở lại đây. Hiện nay, số sách đó vẫn tiếp tục được sưu tầm bổ sung, trong đó, có một số cuốn là sách y dược truyền thống viết bằng chữ Nôm Tây Nùng. Ngoài ra, theo nguồn tin không chính thức, sau vụ lũ lụt lớn năm 1999, một trong những nhân viên trong phái đoàn hỗn hợp Việt Nhật đến khảo sát tình hình sách vở lưu trữ tại các tư gia Huế, cho biết, tại nhà một cụ bà là cháu gái Đại thần Trương Đăng Quế, còn lưu giữ một nhà sách về y dược tới gần một vạn cuốn (?). Có thể đây là số sách của Thái y viện triều Nguyễn còn lưu lại, nhưng người ta chưa tiếp cận được kho sách này (!) Một câu chuyện khó tin, nhưng nó cũng có ý mách bảo rằng, tại Huế hiện còn trôi nổi khá nhiều sách y dược. Và không chỉ ở Huế, tại các địa phương khác trong toàn quốc, bất kể nơi nào trước đây cũng đều có những người làm thuốc. Ở họ, không nhiều thì ít cũng có trong tay năm ba quyển sách làm cầm nang chữa bệnh. Hiện mới đây thôi, được biết tại một gia đình đang làm nghề thuốc tại huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội, lưu trữ gần 1.000 cuốn sách y dược, trong đó không ít sách có sử dụng chữ Nôm.

Dẫu sao, với số sách y dược đã thu thập được, hiện đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, trong đó có trên 50% số sách có sử dụng chữ Nôm xen chữ Hán, hoặc chữ Hán xen chữ Nôm, đã trở thành nguồn tư liệu quý giá để tìm hiểu, khảo sát, nghiên cứu, về việc sử dụng chữ Nôm trong *Thư tịch y dược truyền thống*, về sự phát triển chữ Nôm trong các giai đoạn lịch sử khác nhau...

Trong những năm gần đây, Thư tịch Hán Nôm về y dược truyền thống đã từng bước được nghiên cứu, giới thiệu, dịch thuật, nhưng số lượng chưa phải là nhiều, và việc nghiên cứu chữ Nôm trong kho sách này thì hầu như chưa được quan tâm tới. Riêng tác giả bài viết này, cũng đã đề cập đến trong một số bài viết, nhưng chưa thành hệ thống. Dưới đây cũng chỉ là bước đầu tìm hiểu vấn đề nêu trên, theo hướng phân chia làm hai loại: Chữ Nôm trong dược khoa và chữ Nôm trong y khoa.

1.

Về dược khoa, việc sử dụng chữ Nôm cũng đã xuất hiện khá sớm. Trong kho *Thư tịch y dược truyền thống*, hiện lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, các tác phẩm là dược khoa và y khoa có niên đại sớm nhất là các tác phẩm của Tuệ Tĩnh (XIV), như: *Hồng nghĩa giác*

tư y thư, Nam dược thần hiệu, Thập tam phương gia giảm... Trong đó có các tác phẩm đã sử dụng chữ Nôm. Như thế Tuệ Tĩnh là người đầu tiên sử dụng chữ Nôm trong lĩnh vực này.

Đặc điểm chung của việc sử dụng chữ Nôm trong dược thư là:

- Diễn Nôm dược tính các vị dược liệu.
- Dùng chữ Nôm để gọi tên dược liệu.

1.1. Dược tính các vị dược liệu được diễn Nôm theo thể thơ thất ngôn, song thất lục bát, lục bát, phú... khá phổ biến:

Quán chúng là củ cây rau lang,
Vi hàn tiêu độc năng thông xương.
Trị chur thất huyết sát chur trùng...
(Tuệ Tĩnh – *Nam dược thần hiệu*)

Hay thể song thất lục bát, như:

Sơn tam nại gọi củ địa liên,
Khí vị tân ôn tính khổ tuyên.
Ty chương noãn trung trừ lãnh thống,
Phong nha hoắc loạn lập thời tuyên...
(Tuệ Tĩnh – *Nam dược thần hiệu*)

Thể lục bát được sử dụng phổ biến nhất:

Ngồi buồn luận chơi thảo mộc,
Chỉ Nam gọi rằng biết mỗi vị cây.
Ai ai học lấy cho hay,
Phòng khi hái thuốc mỗi khi giúp người...
(Khuyết danh – *Nam dược chỉ danh truyền*)

Hay:

Hoàng kỳ bổ khí như thần,
Đã hay ngăn hẳn lại phần thác chương.
Nhân sâm bổ khí thông thường,
Cốt sao chỉ khát sinh tân mới là...
(Khuyết danh – *Dược tính*)

Phú Nôm về dược khoa không nhiều, nhưng cũng xuất sớm, như bài *Nam dược Quốc ngữ phú* của Tuệ Tĩnh:

“Chẩn khéo thiêng trời sinh một tính, vật hoá muôn loài đẩy khí âm dương vắn chuyển, bốn mùa hàn thử vắng lai, ngày chịu khí trung hoà nhân khoá cảm thương sẽ phải...”

Tiếp theo, kể tên các dược liệu: Tên chữ được giải thích bằng tên Nôm: Sa nhân còn gọi là Túc sa, xích tiểu đằng là răng bà ngựa v.v.

Hay *Nam dược phú* của khuyết danh, có câu:

“Ngũ linh cầm máu trừ cam, bách dược sắc uống hoá viêm nhuận phổi; hà thủ ô đen tóc, da mọt, phục thuốc này thì cải lão hoàn đồng...”

Tóm lại, sách về dược khoa đã sử dụng chữ Nôm để biên soạn phần lớn là dùng thể văn vần, trong đó thể lục bát được sử dụng nhiều hơn cả.

1.2. Dùng chữ Nôm để gọi tên dược liệu, cũng xuất hiện từ rất sớm. Thường là các dược liệu có tên chữ (chữ Hán), được chỉ ra cách gọi tên Nôm, tức là tên dân gian thường gọi. Thí dụ *Bản thảo thực vật toàn yếu* của Phan Phu Tiên (XV) là tập sách tiêu biểu thuộc lĩnh vực này.

Dược liệu kê trong tập sách đều là những động vật và thực vật có tại nước ta như: Gạo nếp, nếp cái, nếp hương, nếp cẩm, ngô, tiểu mạch, gạo tám, lúa dự, gạo lòng vực, ý dĩ, đậu đen, đậu đỏ, đậu xanh, đậu trắng, đậu ván trắng hột, đậu ván đen hột, đậu phụ, mạch nha, rau hành, kiệu, rau cải, cải trắng, rau xương cá, rau vi, củ từ, măng, quả bầu, bí, bầu lào, dưa gang, dưa bở, mướp đắng, mộc nhĩ, nấm tai mèo, nấm đất, nấm đá, tía tô, rau má, đào, mận, mơ, táo chua, lê, quả gao, quả mật, hồng, cật, cam sành, bưởi, vải, nhãn, trám đen, trám trắng...

Động vật: Cái hạc, cái diệc, cái cò, cái vạc, gà mái đen, gà mái vàng, chim trĩ, trĩ trắng, cái đa đa, bò câu non, chim ri, chim yến, cái công, chim bà cật, con lợn, con chó, dê, bò, lợn lòi, hươu, nai hoẵng, mèo, cóc, vượn, thỏ, chuột, khỉ, cá chép v.v...

Như trên, mới chỉ nêu ra một số ví dụ thôi, cũng đủ thấy tập sách cung cấp cho ta một khối lượng chữ Nôm về tên gọi các loài động thực vật khá phong phú, đa dạng. Cách chép như sau:

Canh mẽ 粳米 tục gọi là “gạo tẻ trắng”, đạo 稻 tục gọi là “lúa nếp”, hương canh mẽ 香粳米 tục gọi là “nếp cái”.

Hiện 莧 tục gọi “rau dền”, địa đinh 地苧 tục gọi “rau bò công anh”.

Ngũ liềm tử 五斂子 tục gọi là “quả khế”, chữ tử 楮子 tục gọi “hột gấm”, trần thực 榛實 tục gọi “hột chi”, v.v.

Trải trên bốn thế kỷ, văn bản ắt nhiều phen thay đổi, sửa chữa bổ sung. Văn bản hiện còn đến ngày nay, chắc cũng khác xa với nguyên bản, nhất là về mặt chữ viết, tên dược liệu... Xét thấy chữ Nôm ở đây phần nhiều là cách viết chữ Nôm đời sau, nhưng vẫn còn những chữ viết theo lối cổ, như đã từng xuất hiện trong *Hồng đức Quốc âm thi tập thế kỷ XV*, như: Chim “bà cật” tức là “chim cật,” hay như từ “bà ngựa” tức là “con ngựa” dùng trong *Hồng nghĩa giác tư y thư* của Tuệ Tĩnh. Hoặc dùng từ đôi không biến âm như: Chim chích chích, cái đa đa, cá cần cần. Hoặc vẫn sử dụng từ cổ như từ “cái” thay cho từ “con”: Cái vượn (con vượn), cái cáo (con cáo), cái ba ba (con ba ba), cái vẹt (con vẹt), cái cò, cái vạc (con cò, con vạc), và đặc biệt: Cái giá (rau giá), v.v. Hoặc đôi chỗ dùng từ “cả” thay cho “to”: Lúa mạch cả bông (lúa mạch to bông), kê nếp cả hột (kê nếp to hột), v.v.

Ngoài *Bản thảo thực vật toàn yếu* của Phan Phu Tiên còn nhiều sách khác cũng biên soạn theo cung cách trên, như *Bản thảo thực vật* của Kim Đình cư sĩ Nguyễn Công Bảo, *Bản quốc Nam dược phẩm ký* của Lê Đức Huệ, *Bản thảo*, *Bản thảo y thư*, *Bản thảo ngọc kính cách vật* của khuyết danh, v.v.

Như thế, những sách về dược khoa đã cung cấp cho ta một khối lượng chữ Nôm khá lớn, có thể giúp ích nhiều cho những ai muốn tìm hiểu về lịch sử phát triển của chữ Nôm nói chung, về đặc trưng của chữ Nôm trong kho *Thư tịch y dược truyền thống* nói riêng.

2.

Về y khoa, việc sử dụng chữ Nôm (chủ yếu là điển Nôm) cũng khá phổ biến. Ngoài ra, còn có những sách ghi chép bằng chữ Nôm, thể văn xuôi, về các bài thuốc dân gian, cách chữa dân gian,...

2.1. Về điển Nôm, hình thức đa dạng, dùng thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ, phổ biến là thể lục bát và song thất lục bát. Mỗi bài điển Nôm dài ngắn khác nhau tùy theo căn bệnh hay chuyên khoa,... bài ngắn nhất là 4 câu, bài dài thường trên dưới 400 câu. Lĩnh vực được điển Nôm nhiều nhất là chuyên khoa nhi (trong đó có bệnh đậu mùa), khoa sản phụ và mạch học.

Về nhi khoa, có số lượng sách khá lớn, với nhiều căn bệnh, nhiều bài thuốc chữa khác nhau, số sách được điển Nôm trên dưới 50%, mỗi bài điển Nôm thường từ 200 câu trở lên, như:

Khoa này bàn chứng con trẻ,
Kể từ ngày mới đẻ lớn lên,
Sơ sinh cam thảo hoàng liên.
Thái miếng cho nhỏ thuốc tiên liệu dùng...
(*Tiểu nhi khoa điển Quốc âm*)

Vẫn thuộc về nhi khoa, bệnh đậu mùa, thời xưa đã hoành hành ghê gớm, số sách chép về cách chữa chứng bệnh này cũng rất nhiều, bước đầu thống kê được trên 70 cuốn, số được điển Nôm trên 50 cuốn:

Ngày rồi luận chứng lên hoa,
Tuy là thai độc thực là thiên thương...
(*Luận đậu toát yếu Quốc âm ca*)

Hay:

Lâm thâm chẳng lỗ không,
Liên lại một điêm hồng.
Bảy ngày đậu sinh ngã,
Quả táo chẳng nên nông...
(*Khán đậu ca*)

Cũng như nhi khoa, sản khoa, phụ khoa cũng được điển Nôm khá phổ biến ở thể lục bát, song thất lục bát:

Này đoạn nói bệnh phụ nhân,
Kể ra những chứng huyết phân chẳng điều...
(*Phụ nhân khoa mục Quốc ngữ ca*)

Hay:

Trai vượt bể có bạn,
Gái vượt cạn một mình.
Chữ rằng cứu tử độ sinh,
Nhất vạn thiên phúc rành rành chẳng sai...
(*Ôn bả bảo thai thư*)

Mạch học là vấn đề khó, người thầy thuốc xưa không những tiếp thu từ Trung y một cách nhuần nhuyễn về lĩnh vực này, mà còn đúc rút kinh nghiệm từ bản thân trong quá trình khám chữa bệnh, vận dụng vào thực tiễn khi hành nghề, rồi biên soạn cho mình những tập sách hay,

thường dùng phương pháp diễn Nôm. Nếu ở các chuyên khoa sản, khoa nhi, phụ khoa có nhiều bài diễn Nôm trùng nhau (dị bản), thì ở đây hiện tượng ấy ít xảy ra hơn, các bài diễn Nôm ở đây khá phong phú:

Ba xuân gió mát hoè hiên,
Vui nghề nhân thuật say miên nho y.
Lại xem mạch quyết tường ghi,
Đặt làm Quốc ngữ một khi kê bày...
(*Chư mạch kiến chứng*)

Hay:

Hoa hiên tứ nghiệp dư nhàn,
Sưu cầu kinh mạch thánh hiền thi thư...
(*Nhị thập thất mạch ca*)

Rôi:

“Lúc thư nhàn luận ca dụng dược...”
(*Mạch dược tinh giải ca*)
“Thấy trong kinh mạch lại càng tinh vi...”
(*Mạch kinh tuyển yếu Quốc ngữ ca*)

Hay:

Nghê xong nhân khoá hứng thừa,
Mở phô kinh dược lục dò lương phương.
Thuộc thang xem đã khó lường,
Thấy trong mạch lý lại càng tinh vi...
(*Mạch yếu tổng luận*)

Tóm lại, trong 53 tên sách về mạch, có tới 28 tên sách, với trên 30 bài diễn Nôm khác nhau, chiếm trên 50%.

Ngoài ra, còn có một số bài thuốc được soạn theo thể phú, như bài phú xem tướng phụ nữ để biết sức khoẻ của Liễu Trang đời Minh, soạn thành phú Nôm:

“Trời sinh muôn vật, khí âm dương tu sát ở dưới lên; người ở trong đời xem tốt xấu đã hình nay. Tướng mạo, tướng gái khác với tướng trai mấy khác, giọng thanh cùng giọng đục cho phân...”

Có thể nói, sách y khoa được diễn Nôm nhiều, với nhiều nội dung khác nhau, có chỗ chỉ diễn Nôm từng căn bệnh một, có chỗ diễn cả một chuyên khoa dài... Tuy ở đây, các bài diễn Nôm phần nhiều không rõ xuất xứ, soạn giả hay niên đại, nhưng nếu có điều kiện so sánh, phân tích... thì cũng sẽ sáng tỏ, và với số lượng bài thơ diễn Nôm trên 200 bài (kể cả dị bản), cũng đủ thấy đây là mảng tư liệu về chữ Nôm đáng lưu tâm.

2.2. Chữ Nôm văn xuôi: Chữ Nôm văn xuôi dùng trong y khoa không nhiều, thường được dùng ở phần mở đầu cho bài diễn Nôm, như bài *Tinh y quốc âm ca* của Song Mai Tổng Trí Hiên, viết:

“Các con ta nên tường cách dùng thuốc, để khỏi phải phụ lòng mong đợi của cha. Ta diễn ca là có ý để các con phải thận trọng khi dùng thuốc chữa bệnh.”

Hay đề tựa cho tập sách khi biên soạn xong, như *Tân san đậu khoa minh kính* của Cựu Thái y viện Thừa chánh sứ Du Trung Bá:

“Chung đậu kia ấy khoá thái cổ thời không, tự Chu Tần sơ khởi ở đất Nam Dương mà ra trước. Bây giờ rải khắp thiên hạ đều có... Vậy nên, ta theo lời hiền thánh, lòng cũng chung một đạo với người, không ản dấu một mình chi cũng có, soạn tập các bộ các quyển, nêu lên tiết trước tiết sau, lời Quốc ngữ làm ca, thành để xem kéo rồi...”

Ngoài ra, còn có những sách biên soạn bằng chữ Nôm, văn xuôi, chữa các bệnh: Loạn huyết, điều kinh, cầu tỵ, có chữa có tiếng con khóc trong bụng, đến tháng đẻ hậu môn đau như đâm... Rốn đau, đau bụng, đau lưng, đái ra máu, di tinh, thương hàn ra máu, tiểu tiện không thông... đều dùng chữ Nôm xuôi để viết.

Hay dùng chữ Nôm văn xuôi để ghi trực tiếp những căn bệnh cụ thể, như: Gãy xương, sai khớp, bị thương tích, bị tên nỏ tẩm thuốc độc, bị đánh tụ máu đen, bị gậy đánh đau, nước độc lao tàn, xưng đầu gối, nước độc phá da, đau mắt gió..., với cách chữa: Trị đau vú, lấy lá cây hoè già nhỏ đắp vào, rất hiệu nghiệm. Trị ong đốt, lấy củ dáy già nhỏ đắp vào. Trị bỏng lửa, lá thuốc lào luộc lên, lấy nước rửa chỗ bỏng, bảy ngày là khỏi... đều là những lời dùng chữ Nôm văn xuôi để ghi.

Trên đây mới chỉ là vài nhận xét sơ bộ về việc sử dụng chữ Nôm trong kho *Thư tịch y dược truyền thống*, có ý mách bảo cho giới nghiên cứu chữ Nôm, nên quan tâm đến kho thư tịch này. Có thể ở đây cung cấp những tư liệu quý, những chữ Nôm đặc trưng, hay cách viết chữ Nôm trong các giai đoạn khác nhau, cách viết chữ Nôm của những thầy thuốc là những người bình dân...

Hà Nội ngày 5 tháng 8 năm 2004

